TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 187/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 9 – 2018
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 763/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 599/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N; cư trú tại ấp B, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H; cư trú tại ấp B, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức cưới gả theo phong tục. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2016, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cự cải với nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ 02 năm nay. Nay chị N xin ly hôn, anh H cũng đồng ý.

Về con chung là Bùi Thị Nga, sinh ngày 16/5/1992; Bùi Văn Tý, sinh ngày 16/4/1993 và Bùi Thị Kim Anh, sinh ngày 16/5/2005. Hiện cháu Nga và cháu Tý đã thành niên nên khi ly hôn, chị N cùng anh H không đặt ra yêu cầu nuôi và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Riêng cháu Kim Anh, chị N và anh H thống nhất thỏa thuận giao cho chị N nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Kim Anh cũng có nguyện vọng được chung sống với chị N.

Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H khai có nhưng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H khai không có. Đồng thời, do bận công việc làm ăn nên anh H xin Tòa án cho anh vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn H đã có lời khai và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc yêu cầu trên của anh H được chấp nhận.

[2] Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H chung sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay, tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Nay anh H, chị N đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẩn, mục đích hôn nhân không đạt. Xét mâu thuẩn thực tế được anh, chị trình bày là có thật. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung là Bùi Thị Nga, sinh ngày 16/5/1992; Bùi Văn Tý, sinh ngày 16/4/1993 và Bùi Thị Kim Anh, sinh ngày 16/5/2005. Hiện cháu Nga và cháu Tý đã thành niên nên khi ly hôn, chị N cùng anh H không đặt ra yêu cầu nuôi và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Riêng cháu Kim Anh, chị N và anh H thống nhất thỏa thuận giao cho chị N nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con giữa anh H, chị N là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Kim Anh nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H khai có nhưng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị N phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H.

- Về con chung là Bùi Thị Nga, sinh ngày 16/5/1992; Bùi Văn Tý, sinh ngày 16/4/1993 và Bùi Thị Kim Anh, sinh ngày 16/5/2005. Hiện cháu Nga và cháu Tý đã thành niên nên khi ly hôn, chị N cùng anh H không đặt ra yêu cầu nuôi và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Riêng cháu Kim Anh, tiếp tục giao cho chị N nuôi và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn H có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H khai có nhưng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000đ. Ngày 29/8/2018, chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001265 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.